THI ONLINE: DANH ĐỘNG TỪ- ĐỘNG TỪ NGUYỄN THỂ
MÔN TIẾNG ANH - LỚP 12
BIÊN SOẠN: CÔ GIÁO: CÙ THỊ THU THUỶ

MỤC TIÊU

- Ghi nhớ những trường hợp sử dụng danh động từ hoặc động từ nguyên thể

e17374 I. Gerund or Infinitive – Fill in the correct form.

Question 1. My teacher advised us _____ there alone. It could be very dangerous (NOT GO).

Question 2. Jeniffer is good at _____ her children _____ down properly at the table. (PERSUADE, SIT).

Question 3. Because he didn't feel like _____ in the park, we cancelled it. (WALK)

Question 4. Hoi An is always worth _____ . (VISIT)

Question 5.I can't help _____ . That joke was so funny. (LAUGH)

Question 6. After a few miles he stopped on the motorway _____ some cigarettes (GET).

Question 7. Women were given the right _____ in the first part of the 20th century. (VOTE).

Question 8. _____ some kind of sport every day is good for your health. (DO)

Question 9. It is important _____ the net for more information. (SURF)

e17375 II. Choose the best correct answer.

Question 10. She enjoys _____ tennis on weekends.

A. play **B.** playing **C.** to play **D.** played

Question 11. He promised _____ his homework before dinner.

A. Finish **B.** finishing **C.**to finish **D.** finished

Question 12. My goal is _____ fluent in Spanish.

A. become **B.** becoming **C.** to become **D.** became

Question 13. They decided _____ to the new restaurant tonight.

A. go **B.** going **C.** to go **D.** went

Question 14. She avoided _____ him about the mistake.

A. tell **B.** telling **C.** to tell **D.** told

Question 15. I can't imagine _____ without my phone for a whole day.

A. live **B.** living **C.** to live **D.** lived

Question 16. We need _____ more time to finish the project.

A. have **B.** having **C.** to have **D.** had

Question 17. They enjoy _____ on the beach during the summer.

A. relax **B.** relaxing **C.** to relax **D.** relaxed

Question 18. He admitted _____ the wrong way.

A. drive **B.** driving **C.** to drive **D.** drove

Question 19. It's important _____ your seatbelt while driving.

A. wear **B.** wearing **C.** to wear **D.** wore

Tuyensinh247.com

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN BỞI BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

1 (NB)

Kiến thức: Dạng động từ

Giải thích:

Advise + to V

Tạm dịch:

Giáo viên của tôi khuyên chúng tôi không nên đến đó một mình. Nó có thể rất nguy hiểm.

Choose "NOT TO GO".

2 (NB)

Kiến thức: Dạng động từ

Giải thích:

Good at + Ving

Persuade sb to do sth

Tạm dịch:

Jeniffer rất giỏi thuyết phục con ngồi xuống bàn đúng cách.

Choose "PERSUADING/ TO SIT".

3 (NB)

Kiến thức: Dạng động từ

Giải thích:

Feel like + Ving

Tạm dịch:

Bởi vì anh ấy không muốn đi bộ trong công viên nên chúng tôi đã hủy bỏ nó.

Choose "WALKING".

4 (NB)

Kiến thức: Dạng động từ

Giải thích:

worth + Ving

Tạm dịch:

Hội An luôn đáng tham quan.

Choose "VISITING".

5 (NB)

Kiến thức: Dạng động từ

Giải thích:

can't help + Ving

Tạm dịch:

Tôi không thể nhịn cười. Trò đùa đó buồn cười lắm.

Choose "LAUGHING".

6 (NB)

Kiến thức: Dạng động từ

Giải thích:

Stop + to V: dừng lại, để làm gì đó khác

Tạm dịch:

Đi được vài dặm, anh ta dừng lại trên đường cao tốc để lấy thuốc lá.

Choose "TO GET".

7 (NB)

Kiến thức: Dạng động từ

Giải thích:

Right + to V

Tạm dịch:

Phụ nữ được trao quyền bầu cử vào đầu thế kỷ 20.

Choose "TO VOTE".

8 (NB)

Kiến thức: Dạng động từ

Giải thích:

Danh động từ đứng đầu câu làm chủ ngữ → Ving

Tạm dịch:

tập một số môn thể thao mỗi ngày rất tốt cho sức khỏe của bạn.

Choose "DOING".

9 (NB)

Kiến thức: Dạng động từ

Giải thích:

Important + to V

Tạm dịch:

Điều quan trọng là lướt mạng để biết thêm thông tin.

Choose "TO SURF".

10 (NB)

Kiến thức: Dạng động từ

Giải thích:

Enjoy + Ving

Tạm dịch:

Cô ấy thích chơi quần vợt vào cuối tuần.

Choose B.

11 (NB)

Kiến thức: Dạng động từ

Giải thích:

promise + to V

Tạm dịch:

Anh ấy hứa sẽ hoàn thành bài tập về nhà trước bữa tối.

Choose C.

12 (NB)

Kiến thức: Dạng động từ

Giải thích:

goal: to V

Tạm dịch:

Mục tiêu của tôi là thông thạo tiếng Tây Ban Nha.

Choose C.

13 (NB)

Kiến thức: Dạng động từ

Giải thích:

Decide + to V

Tạm dịch:

Họ quyết định tối nay sẽ tới nhà hàng mới.

Choose C.

14 (NB)

Kiến thức: Dạng động từ

Giải thích:

Avoid + Ving

Tạm dịch:

Cô ấy tránh nói với anh ấy về sai lầm đó.

Choose B.

15 (NB)

Kiến thức: Dạng động từ

Giải thích:

Imagine + Ving

Tạm dịch:

Tôi không thể tưởng tượng được việc sống mà không có điện thoại cả ngày.

Choose B.

16 (NB)

Kiến thức: Dạng động từ

Giải thích:

Need + to V

Tạm dịch:

Chúng ta cần có thêm thời gian để hoàn thành dự án.

Choose C.

17 (NB)

Kiến thức: Dạng động từ

Giải thích:

Enjoy + Ving

Tạm dịch:

Họ thích thư giãn trên bãi biển vào mùa hè.

Choose B.

18 (NB)

Kiến thức: Dạng động từ

Giải thích:

Admit + Ving

Tạm dịch:

Anh ta thừa nhận đã lái xe sai đường.

Choose B.

19 (NB)

Kiến thức: Dạng động từ

Giải thích:

It's important + to V

Tạm dịch:

Điều quan trọng là phải thắt dây an toàn khi lái xe.

Choose C.